TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01 /2026/HNGĐ-ST
Ngày: 13 – 01 – 2026
"V/v: Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Giang, bà Bùi Thị Thêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Công Đức – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa:*** Ông Y Gon Niê - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 209/2025/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1979. Nơi ĐKHKTT: Thôn S 9, xã E, tỉnh Đắk Lắk; Chỗ ở hiện nay: Buôn Sứk, xã Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần S, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn S 9, xã E, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:*

Tôi và ông Trần S kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/3/2007.

Sau khi kết hôn, tôi và ông Trần S chung sống không hạnh phúc mà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chúng tôi không hợp nhau về quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông S còn đánh đập và dùng lời lẽ xúc phạm tôi. Bản thân tôi đã cố gắng sống

chung để cùng nhau nuôi con đến ngày trưởng thành. Nay tôi thấy con đã khôn lớn, còn tình cảm vợ chồng đã sứt mẻ, không thể hàn gắn lại được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chúng tôi đã sống ly thân được một thời gian khoảng 08 tháng. Từ khi sống ly thân thì chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc hay hỏi thăm nhau, ai sống bổn phận người đó. Do vậy, tôi thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Trần S.

Về con chung: Tôi và ông Trần S có một con chung là Trần Thị Lan H sinh ngày 04/9/2007. Hiện nay con đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo nội dung bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần S trình bày:*

Tôi và bà Bùi Thị H kết hôn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22/3/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống bình thường, tuy nhiên vẫn có xảy ra cãi vã nhưng đều là cãi vã nhỏ trong cuộc sống gia đình. Bản thân tôi cảm thấy vợ chồng chưa mâu thuẫn đến mức phải dẫn tới ly hôn. Đối với yêu cầu ly hôn của bà Bùi Thị H thì tôi không đồng ý và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau làm ăn, chăm sóc, nuôi dạy con cái.

Về con chung: Tôi và bà Bùi Thị H có một con chung là Trần Thị Lan H sinh ngày 04/9/2007. Hiện nay cháu đã đủ tuổi trưởng thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Tôi yêu cầu bà H phải về giải quyết chia tài sản chung và các công nợ xong thì tôi mới đồng ý ký các giấy tờ ly hôn cho bà H. Tại phiên tòa hôm nay tôi chưa làm được đơn khởi kiện nên tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho tôi theo quy định của pháp luật.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) tại phiên tòa đảm bảo đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đều chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

là có cơ sở nên cần chấp nhận, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử cho bà Bùi Thị H và ông Trần S được ly hôn với nhau; Về con chung: Con đã đủ 18 tuổi nên không xem xét giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết; Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và phát biểu của Kiểm sát viên, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H, Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đắk Lắk xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là "Ly hôn" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn S 9, xã E, tỉnh Đắk Lắk, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc đăng ký kết hôn giữa bà H và ông S vào ngày 22/3/2007 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện K (Nay là xã E), tỉnh Đắk Lắk trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình sống chung, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong gia đình; Mặt khác, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra cãi vã, ông S có đánh đập, chửi mắng, xúc phạm bà H. Do mâu thuẫn trầm trọng nên bà H và ông S đã sống ly thân với nhau khoảng 8 tháng nay.

Nhận thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được như mong muốn, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà H là có căn cứ nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết cho bà H được ly hôn với ông S.

[3] Về con chung: Bà H và ông S có 01 con chung tên là Trần Thị Lan H sinh ngày 04/9/2007. Hiện nay con chung đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Tại phiên tòa, bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, bị đơn chưa có đơn yêu cầu, chưa nộp tạm ứng án phí. Nguyên đơn không yêu cầu chia tài sản chung và công nợ

chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu chia tài sản theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 220, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Bùi Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Bùi Thị H được ly hôn với ông Trần S.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003491 ngày 28/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk. Bà H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ngày 13/01/2026.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 7 – Đắk Lắk;
- Cơ quan THA.DS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THA.DS KV 7 – Đắk Lắk;
- UBND xã E;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Đặng Thị Thu Hà